TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST
Ngày 04/5/2021
"V/v ly hôn giữa ông L và bà K"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đàm Chí Thân

2/ Bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị Q xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 331/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX - ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021 ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1957.

Nơi ĐKNKTT: Khu Đ, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953.

Nơi ĐKNKTT: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt. (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953; trú tại: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện kết hôn vào ngày 04/5/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020, khi ly thân mỗi người sống một nơi khác nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống với bà K, ông L xác định vợ chồng không có con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà K xong bà K vắng mặt không có lý do. Vì vậy Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được do bà Khanh vắng mặt làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường Đ, thị xã Q nơi ông L và bà K sinh sống, ông Lê Hồng P trưởng khu T và ông Vũ Hoài S chủ chủ tịch UBND phường Đ, thị xã Q cho biết, ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã Q vào ngày 04/5/2015. Sau khi kết hôn ông L và bà K sinh sống tại khu T, phường Đ, thị xã Q, thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2017 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm xúc phạm đến nhau, gia đình, khu phố cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhưng không có kết quả hiện tại mỗi người ở một nơi. Quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống ông L và bà K không có con chung, còn về tài sản chung và nợ chung địa phương không nắm được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao

nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với các đương sự: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Đình Lệ đã chấp hành, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, có mặt khi Tòa án triệu tập và có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án và chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K đã được tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cùng các giấy triệu tập của tòa án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà K không chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, bà K không có quan điểm về việc giải quyết vụ án và không có yêu cầu phản tố.

3.Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 và 57 Luật HNGĐ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình L. Xử ông Nguyễn Đình L được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Đình L khởi kiện ly hôn đối với bà Nguyễn Thị K có địa chỉ khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy đinh tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách hai

bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Ông L và bà K sống ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay ông L xác định tình cảm giữa ông và bà K không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Ông L đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với bà K. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L với bà Nguyễn Thị K là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung, tài sản chung và vay nợ:* Ông L xác định vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đình L được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Đình L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn ông Lệ đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001584 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

3. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt nguyên đơn ông Nguyễn Định L, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND TX Q;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Q;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, TX Q (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Điền